TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2025/QĐST-DS	*Bắc Ninh, ngày 18 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 55/2025/TLST- DS ngày 14 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Như Th, sinh năm 1989, chị Hà Thị Lan A, sinh năm 1990.

Cùng trú tại: TDP K 1, phường Ph S, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn H, sinh năm 1986, chị Lê Thị T, sinh năm 1989.

Cùng trú tại: Thôn A Ph, xã Ng Ph, tỉnh Bắc Ninh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Anh Lê Như Th, chị Hà Thị Lan A và anh Phạm Văn H, chị Lê Thị T thống nhất: Anh Phạm Văn H, chị Lê Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho anh Lê Như Th, chị Hà Thị Lan A tổng số tiền vay theo giấy vay tiền đề ngày 01/6/2017 (dương lịch), số tiền là 180.000.000 đồng (trong đó 136.000.000 đồng tiền gốc và 44.000.000 tiền lãi).

Về thời hạn trả cụ thể như sau:

- Chậm nhất là ngày 31/7/2025 (dương lịch) anh Phạm Văn H, chị Lê Thị T phải liên đới trả vợ chồng anh Lê Như Th, chị Hà Thị Lan A số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi.

- Chậm nhất là ngày 12/02/2026 (dương lịch) anh Phạm Văn H, chị Lê Thị T phải liên đới trả vợ chồng anh Lê Như Th, chị Hà Thị Lan A số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi còn lại.

Trường hợp anh Phạm Văn H, chị Lê Thị T vi phạm bất cứ kỳ thanh toán nào, anh Th, chị L A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án cưỡng chế thi hành án theo quy định chung đối với toàn bộ số tiền phải thanh toán.

2.2. Về án phí: anh Phạm Văn H, chị Lê Thị T phải liên đới chịu 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Lê Như Th, chị Hà Thị Lan A số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004745 ngày 14/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LN, tỉnh Bắc Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4- Bắc Ninh).

2.3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 4- Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 4- Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Thân Thị Hải Minh